

THÁP BÀ PÔ NAGAR: NHỮNG BIA KÝ SANSKRIT

NGÔ VĂN DOANH*

Sau Mỹ Sơn, nơi còn lưu giữ được nhiều bia ký cổ Chăm-pa nhất là khu đền tháp Pô Nagar ở Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. Hơn thế nữa, những bia ký của Pô Nagar lại được khắc khá liên tục trong suốt nhiều thế kỷ (từ thế kỷ VIII đến XIII). Do vậy, bia ký của Tháp Bà Pô Nagar có giá trị không phải là nhỏ đối với các nhà nghiên cứu trong việc tìm hiểu lịch sử khu đền tháp này nói riêng, cũng như lịch sử, văn hoá và tôn giáo của vương quốc Chăm-pa nói chung. Cho nên, ngay từ cuối thế kỷ XIX, các nhà khoa học người Pháp đã khảo cứu, dịch và giới thiệu gần như tất cả những bia ký đã được phát hiện ở đây⁽¹⁾. Sang đầu thế kỷ XX, các bia ký của Pô Nagar đã được công bố trong nhiều công trình khảo cứu khác nhau của các nhà nghiên cứu⁽²⁾. Đến gần cuối thế kỷ XX, các bia ký (chủ yếu là các bia ký Sanskrit) của Pô Nagar được giới thiệu một cách chi tiết và đầy đủ trong công trình của nhà nghiên cứu R.C. Majumdar⁽³⁾. Và, vào những năm đầu của thế kỷ XXI, các bia ký của Pô Nagar một lần nữa được giới thiệu với một số

bổ sung vào công trình của Karl-Heinz Golzio⁽⁴⁾. Theo công trình biên soạn mới đây nhất của Karl-Heinz Golzio, tại Pô Nagar, hiện được biết 25 bia ký (Mỹ Sơn có khoảng 30 bia ký). Trong số 25 bia ký hiện được biết và đã được khảo cứu, có 6 bia ký bằng chữ Chăm-pa cổ và 7 bia ký không đọc được toàn bộ nội dung. Do vậy, tại Tháp Bà, có tới hơn 3/4 số bia ký hiện đã được khảo cứu là bằng chữ Sanskrit. Vì vậy, để đồng đảo bạn đọc người Việt Nam có thể tham khảo, chúng tôi, trong bài viết này, sẽ giới thiệu và dịch ra tiếng Việt (thông qua bản dịch tiếng Anh của Majumdar) toàn bộ các bia ký Sanskrit hiện được biết và đã được khảo cứu theo thứ tự thời gian. Có một số bia ký chữ Sanscrit, do bị mờ nên chỉ hiểu được rời rạc từng phần nhỏ nội dung hay không đọc ra được, chúng tôi không giới thiệu ở đây.

1. Bia ký số 1: bia ký của vua Satyavarman, khắc năm 784.

Bản bia ký này cùng năm bản bia ký khác được khắc trên bốn mặt và trên bệ

* PGS.TS. Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

của một tấm bia đá tìm thấy ở Pô Nagar⁽⁵⁾. Ngôn ngữ thể hiện: Sanscrit. Bài bia ký gồm 5 câu thơ thể Sardulavikridita với 18 dòng.

Bản dịch

Đức vua may mắn, người có quyền lực tối cao duy nhất đối với cả thế giới, trước kia đã cho thiết lập trên thế gian, tại Kauthara, một Mukhalinga của Sambhu - một linh vật ngồi sáng như vàng và xua tan bóng tối ra khỏi thế giới này - cùng mọi vật được hưởng, là đức ngài nổi danh Vicitrāsagara.

Vào năm Saka 696, những kẻ đen đúa, độc ác và nhẫn tâm ở những thành phố khác, những kẻ ăn những thức ăn còn ghê tởm hơn thức ăn của lũ ma đói, những kẻ xấu xa và hung dữ như Yama, đã đến đây bằng những chiếc thuyền. Bọn chúng, như những Daityas được trang bị những vũ khí được làm ở thượng giới, đã lấy đi linga của Thần và phóng lửa đốt nơi ở của Thần.

Được biết về cuộc cướp phá bất ngờ này, vua Sri Satyavarman đã lên những chiếc thuyền tốt cùng binh lính của mình và những người anh hùng khác và, họ đã đến kịp để giết chết những kẻ đồi bại và độc ác đó trên biển khơi. Thế nhưng, nhà vua rất thất vọng khi biết rằng Sivamukha cùng các đồ vật khác của linh vật trên thuyền của bọn cướp đã chìm cả xuống biển; và, thế là chiếc linga đã bị mất.

Vua Sri Satyavarman, người cai quản tuyệt vời vương quốc của mình, người quyết định hiến dâng bản thân cho việc phụng thờ Isvara, đã hoàn toàn tái thiết lại rục rờ như xưa chiếc Kosa có khuôn mặt cùng hình người phụ nữ đẹp (Parvati) và hình voi (Ganesa). Ngài đã

được biết đến như đức vua Vicitrāsagara, sẽ không có vị vua thứ hai mang cái tên đó trên trần thế.

Vào năm Saka 706 (năm 784 DL.), ngày đầu tháng Vaisakha (tháng 4), chiếc linga đã được dựng.

2. Bia ký số 2: Bia ký của Harivarman I, niên đại 739 Saka (817 CN).

Bài bia ký được khắc trên mặt thứ ba chiếc trụ cửa của ngôi đền, gồm 31 dòng bằng chữ Sanskrit. Bài bia ký viết theo thể văn xuôi, ngoại trừ hai câu cuối cùng là hai câu thơ (thể Sardulavikridita).

Bản dịch

Kính chào Harivarmadeva, vua nước Champa, vị vua vĩ đại, vua của các vị vua, người của sức mạnh vô song. Cánh tay của ngài như là con rắn thần nâng cái đĩa mặt đất bị đắm chìm trong đại dương thời đại Kali; cánh tay mạnh mẽ của ngài như là mặt trời xua tan bóng đêm; trong ánh hào quang rực rỡ, ngài hiện ra như hoá thân của thần Narayana.

Con trai ngài, một chiến binh Ksatrya tiêu biểu nhất, có tên được gọi là *pulya* Sri Vikrantavarman. Đức vua đã trao cho con trai mình quyền cai quản vùng Sri Panduranga; để giúp cho hoàng tử, một người tên là Senapati Pamr sinh trưởng tại một làng lớn thuộc thành phố Manidhi đã được đưa lên làm tổng chỉ huy. Như con sư tử tàn phá bầy voi trong cánh rừng rậm rạp, ngài đã phá huỷ những thành phố của người Kamvujā. Danh thơm của ngài, như ánh trăng ngồi sáng, chiếu rọi những con tim của những người đàn ông đáng kính nhất.

Pho tượng cũ Bhagavati ở Kauthara nổi danh khắp thế giới đã mất từ lâu và khu đền trở nên trống rỗng và hoang phế.

Vào năm Saka 739, tháng Jyaistha, ngày nhật thực, để đảm bảo cho những giá trị tôn giáo trên thế giới, vì thanh danh trên thế giới này và vì sự cứu rỗi ở thế giới bên kia, sau khi cho làm pho tượng Nữ thần mới bằng đá và trang điểm cho tượng những đồ trang sức khác nhau, đức vua đã lại xây dựng đền thờ Linga Sandhaka, đền thờ Sri Vinayaka và đền thờ Sri Maladakuthara, và, ngài đã trang hoàng cho khu đền bằng những Mandapa (những gian phòng) và những chiếc cổng đẹp lộng lẫy.

Đức vua còn dâng cho Mahabhagavati vàng, bạc, châu ngọc, vải vóc các màu khác nhau và những đồ vật khác. Sau đấy, ngài còn dâng cho Đại nữ thần ruộng đồng ở vùng quê Kauthara cũng những nô lệ đàn ông, đàn bà, bò trâu...

3. Bia ký số 3: bia ký của Vikrantavarman II.

Bài bia ký này được khắc trên tấm bia đá có bản bia ký số 1. Bản văn gồm 2 câu thơ (một theo thể Anustubh và một theo thể Indra-vajra, sau đấy là một đoạn văn xuôi, tiếp đến là 4 câu thơ (một theo thể Upajati, một theo thể Vasantatilaka và hai theo thể Anustubh), sau đấy lại là một đoạn văn xuôi và kết thúc là một câu thơ thể Vasantatilaka.

Bản dịch

Trước đây, chiếc Mukhalinga là do Vicitra làm ra, rồi thì sau đấy, vua

Satyavarman làm cái khác với tên gọi là Satyamukhalinga.

Sri Satyavarman, người có tấm lòng chân thật vững vàng như tấm áo giáp của người, người mà danh thơm về phẩm chất thần linh của mình lan toả ra khắp tất cả các phương, đã làm một Srimukhalingakosa rực rỡ sáng ngời bằng tất cả những phẩm chất và việc làm trong sạch và lương thiện của mình.

Vào năm 5911 của kỷ Dvaparayuga, khi đã thoát khỏi những vết đen của kỷ Kaliyuga, đức vua Sri Vicitrasinghara đã tạo lập hình Thần Sri Mukhalinga. Tất cả những vật dụng của Thần, như kho lúa, bạc, vàng, ngọc quý, bình, ấm, lọng trắng có chiếc gậy vàng, phát trần, bình vàng và các đồ vật khác từ từ tăng lên. Thế nhưng, sau đấy, vì những nợ nần quá lâu của kỷ Kaliyuga, rất đông những bọn ăn thịt người dã man từ những nước khác đến bằng thuyền đã cướp đi những hình tượng thờ, những đồ vật và những đồ trang sức và, vì thế, ngôi đền trở nên trống rỗng. Thế rồi, giờ đây, để cho vẻ huy hoàng của công việc ngoan đạo này không bị huỷ hoại, vua Satyavarman, như hiện thân của đức ngài Vicitrasinghara, đã tái lập lại như trước kia chiếc Mukhalinga của vị chúa tể của đức Bà Bhagavati vào ngày thứ 7, nửa sáng của tháng Madhava.

Nữ thần của Kauthara, người có tấm thân rực sáng bởi vẻ đẹp và tấm choàng tuyệt hảo bằng vàng, người có khuôn mặt ngời sáng rạng rỡ và đẹp đẽ như đoá hoa sen và đôi má sáng chói bởi ánh sáng của ngọc ngà châu báu, đã luôn ban phước cho tất cả những ai quỳ xuống cầu nguyện trước mặt mình.

Ngài, một nữ thần tôn kính, người có mái tóc vàng đẹp rực rỡ chói loà bởi

những viên châu ngọc trên đầu, người ngụ tại vùng ven biển xứ Kauthara, người có đôi tai dài được điểm tô bằng những viên ngọc châu sáng ngời và không có tỳ vết, luôn hiển hiện sáng ngời ở cả ba thế giới.

Em gái của vị vua trước, vị vua từng là vàng trắng trong số những con người quả cảm như giáp trụ, đã sinh ra một người con trai, người con trai đó chính là đức vua may mắn Vikrantavarman nổi danh trên thế gian bởi vẻ uy nghi của mình.

Đức vua đã tạo lập hình Mahadeva cùng chiếc Kosa và dâng cúng các đồ vật quý vào lúc, khi mà *tithi*, *naksatra* và ngày nắng trời cùng kết hợp với nhau. Sri Satyavarman đã dâng cúng cho vị Chúa tể của đức Bà Bhagavati kho lúa *Vamdhaun*, kho lúa *Ktun* và kho lúa *Narai* cùng nhiều phụ nữ.

Những người đàn ông nào mà bảo vệ những của cải thuộc về vị Chúa tể của nữ thần thì những người đó sẽ được toại nguyện trên thiên giới, nghĩa là được vui thú cùng vô vàn các thần linh và những hộ thần bảo vệ thế giới; ngược lại, những ai mà lấy đồ đạc đó đi thì sẽ bị đẩy xuống địa ngục Avici cùng các tổ tiên của họ.

4. Bia ký số 4: Bia ký của Vikrantavarman II.

Bài bia ký chỉ gồm một dòng văn xuôi, được khắc trên cùng tấm bia đá với bài bia ký số 1.

Bản dịch

Dram Adaira, dram Kumara, dram Durotak, kho lúa Vnara ở vùng Paurnhag, tất cả đã được vua Sri Vikrantavarman, với tấm lòng chân

thật, dâng cúng lên cho thần Sri Mahadevasvara.

5. Bia ký số 5: Bia ký của Vikrantavarman II.

Bài bia ký có 5 dòng văn xuôi và được khắc trên cùng tấm bia đá cùng các bia số 1.

Bản dịch

Vua Sri Vikrantavarman còn dâng cúng chiếc mũ miện và một đập đập qua con mương cho thần Sri Satyamukhalinga, và, dâng cúng chiếc bao bằng bạc cho bộ tượng Mahadeva.

6. Bia ký số 6: bia ký của Indravarman III, niên đại 918 CN.

Bài bia ký được khắc trên cùng tấm bia đá có bài bia ký số 1. Bài bia ký được viết bằng chữ Sanskrit, gồm 4 câu thơ với 13 dòng. Hai câu đầu được viết theo thể thơ Anustubh, câu thứ ba- thể Upajati và câu thứ tư- thể Vasantatilaka.

Bản dịch

I. Đức vua Sri Bhadravarma, người đã dâng hiến nhiều của cải cho thế giới này, đã có được tất cả đất đai kéo dài tới tận biển cả.

II. Con trai ngài, đức vua Sri Indravarman, một con người tài nghệ trong việc bảo vệ đất nước Champa, đã như vàng trắng tròn trên trời cao.

III. Ngài là người uyên thâm và tài giỏi vẫy vùng trong những con sóng của sáu hệ thống triết học bắt đầu từ Mimamsa và của những hệ thống triết lý của Jinendra (tức Buddha), là người có được vô vàn nước mát tri thức Ngũ pháp của Panini cùng Kasika, là con cá bơi trong biển nước kiến thức Akhyana và Uttarakalpa của các Saiva, là người

thông tuệ nhất về tất cả các lĩnh vực trên trong số những người thông tuệ.

IV. Vào năm Saka 840, Chủ nhật, ngày 11 nửa trăng khuyết tháng Suci (Jyaistha- tháng 6), đức vua cho dựng hình bằng vàng nữ thần Bhagavati để mong có được danh thơm trên toàn thế giới.

7. Bia ký số 7: Bia ký của Jaya Indravarman I, năm 965 CN.

Bài bia ký được khắc trên cùng tấm bia đá có các bài bia ký số 1, gồm hai câu thơ tiếng Sanskrit, thể thơ Anustubh, gồm 7 dòng.

Bản dịch

I. Bọn người Kambujas, những kẻ bị nhiễm thói tham lam và nhiều tật xấu khác, đã phải chết sau khi đã lấy đi tượng hình bằng vàng mà trước đây đức vua cho làm.

II. Vào năm Saka 887, vì sự hưng thịnh, đức vua Sri Jaya Indravarman lại cho dựng tượng hình nữ thần bằng đá ở Kauthara.

8. Bia ký số 8: Bia ký của Jaya Paramesvaravarman I, năm 1050 CN.

Bài bia ký được khắc trên trụ cửa đá bên phải của ngôi đền, gồm 13 dòng bằng chữ Sanskrit. Đầu tiên là ba câu thơ theo các thể thơ: Svagdhara, Sardulavikridita và Anustubh; sau đấy là đoạn văn xuôi.

Bản dịch

Nữ thần của con! ngài là chúa tể tối cao của những cái có và những cái không; trong bản chất của mình, ngài là nguyên nhân của sự khởi đầu, sự tiếp diễn và sự phát triển của thế giới này; trong thực chất, ngài có cả hai khía cạnh dương và âm; cùng một lúc, trong

cái tinh túy nhất, ngài là cùng với bất kỳ những gì có trong thế giới của Thượng Đế suốt cả khi sáng thế cũng như khi huỷ diệt; ngài là năng lực khởi thủy của tồn thể và không tồn thể; ngài có một thân thể, mà một nửa của thân thể đó có mặt trăng là mũ miện (tức Mahadeva); sự xuất hiện của ngài thật tuyệt đẹp và ngài tạo thành một phần cơ thể của thân chúa thượng của mọi tồn thể hiển hiện.

Ngài là người mà sự hiểu biết được hoàn thiện bởi nhận rõ được sự khác nhau giữa những cái có và những cái không; là người đáng được chú ý; là người làm vui lòng người khác; là người yêu thương những kẻ nhút nhát; là người làm điều tốt cho những người khác; là người có tấm lòng ân cần; là người tạo ra luật lệ lưu hành trên thế giới để bảo vệ những người tốt...

Ngài, vua Sri Paramesvara, lúc thịnh trị, vào năm Saka 972, đã đem dâng đặt vào ngôi đền của Nữ thần một chiếc bình dát vàng.

Và, ngài đã dâng cúng cho Nữ thần chiếc mũ miện tuyệt hảo, chiếc thắt lưng nhiều màu, chiếc bình bạc, chiếc ô trang trí lông công, chiếc trống bạc to cùng những chiếc bình vàng, tức là gồm có những chiếc bình rót nước tuyệt hảo và bốn chiếc bình to nhỏ.

9. Bia ký số 9: Bia ký của Rudravarman III, niên đại 986 Saka.

Bài bia ký được khắc trên trụ cửa trái bằng đá của ngôi đền chính. Bài bia ký có 12 dòng viết bằng chữ Sanskrit. Mở đầu là hai câu thơ; tiếp theo là đoạn văn xuôi. Hai thể thơ là: Sgardhara và Sardulavikridita.

Bản dịch

Vì sự hưng thịnh thực sự của mọi vật trên thế giới, mà thanh danh rực rỡ của các đức vua toả sáng khác nhau ra các đất nước khác nhau tùy theo những phẩm chất thấp kém, bình thường và siêu phàm của họ. Bởi vậy, mà một mình đức vua Rudravarman là xứng đáng được coi như vầng thái dương bởi thanh danh vĩ đại của ngài, trong khi đó, các vị vua khác chỉ mờ sáng như trăng và sao, hay như ánh lửa và ánh sáng nhọc châu.

Vua Rudravarman, người sinh ra trong gia đình đức ngài Sri Paramesvara quý phái và hùng mạnh, cùng người em trai của Sri Bhadravarman, vào năm Saka 986 đã dâng cúng một chiếc bình ba mảnh (?), những đồng tiền bạc và ba chiếc bình bạc.

Ngài còn dâng cúng cho Thần chiếc hộp đựng trầu bằng vàng hình chòm sao "Purvvasadha" nặng 5 kattika và 3 pana, một chiếc bình để đốt trầm bằng vàng nặng 1 kattika và 2 pana, một chiếc bình bằng bạc của Cambodge nặng 5 kattika và 10 pana, một chiếc ô vàng nặng 7 pana. Chiếc bệ của Thần được lát đá và chiếc cổng được làm bằng đá rất công phu.

10. Bia ký số 10: Bia ký thế kỷ XII.

Bài bia ký được khắc ngay dưới bài bia ký của Rudravarman III khắc năm 986 Saka trên trụ đá bên trái cửa ra vào ngôi đền chính. Bài minh gồm 7 dòng viết bằng chữ Sanskrit và dưới dạng các câu thơ: các câu 1-2 theo thể Vasantatilaka, câu 3- Indravajra và câu 4- Upajati. Dựa theo kiểu chữ, các nhà

nghiên cứu xếp bài bia này vào thời trị vì của Jaya Indravarman II.

Bản dịch

Con thành tâm kính lạy vị thần, người được Brahma và các thần linh khác ngợi ca. Con kính lạy người vợ thần thánh của ngài, người mẹ của ba thế giới, người được nổi danh với cái tên yapunagara, người là điềm tốt lành và luôn ban phước cho tất cả những ai cầu xin người.

Hãy ban điều tốt lành cho con hồi thân, người, như cách chiếu sáng của vầng thái dương, thấm nhập vào mọi vật thanh khiết và không thanh khiết. Và, hãy ban điều tốt lành cho con hồi người vợ thần thánh của ngài, người nổi danh với cái tên Yapu Nagara, người luôn ban phước lành cho tất cả những ai cầu xin người.

Hãy ban cho con hạnh phúc hồi nữ thân, người được gọi là Sri Maladakuthara và người là vợ của vị thần, mà những hạt bụi từ đôi chân như đoá sen của ngài hiện ra lộng lẫy như những viên châu ngọc trên đầu các thần, các nhà hiền triết thần thánh và các quỷ Asura.

Con kính lạy nữ thân, người được gọi là Sri Maladakuthara, người là vợ của vị thần, mà nếu không có ngài, thì ngay cả các thần cũng sẽ bị chìm đắm vào đại dương bao la này của thế giới vì không có thuyền cứu sinh thần thánh của ngài.

11. Bia ký số 11: Bia ký của Jaya Indravarman IV (năm 1105 Saka). Bài bia ký có 7 dòng nói về những việc dâng cúng của vua Jaya Indravarman IV Gramapuravijaya...

Bản dịch

Kính lạy! đức ngài Jaya Indravarmadeva Gramapuravijaya dâng những đồ cúng này cho nữ thần Bhagavati Kautharasvari; ngài dâng một vương miện vàng 60 thil, một cái bình và một vòng cổ vàng 13 thei 9 dram và một cái đĩa nặng 16 thei vào năm Saka 1097. Khi muốn xâm chiếm Cambodia, ngài dâng cúng một chiếc bình bạc nặng 172 thei, hai miếng gỗ đàn hương... Hoàng hậu (pon) Paramesvari dâng một vòng cổ vàng 2 thei. Hoàng hậu Raya dâng một vòng cổ vàng 2 thei 5 dram. Công chúa (pu nai) Bhagyavati, con gái đức vua, dâng một vòng cổ mạ vàng. Công chúa Sumitra dâng 1 klon vàng 9 dram. Công chúa Sudaksina dâng 1 klon vàng 1 thei. Man si ai Gramapuravijaya dâng 1 vata (chiếc bát kim loại) bạc 10 thei và 7 dram vàng để sử dụng, vào năm Saka 1105.

12. Bia ký số 12: Bia ký của Indravarman IV (thế kỷ XIII). Bài bia được khắc trên hai mặt của chiếc trụ đá hiện nằm trong toà tháp Nam.

Bản dịch

Nhiều cánh đồng và cánh rừng... được dâng cho linga Bhagavati Kautharesvari, và những cánh đồng của thần... và các đồ vật khác mà đức vua Sri Indravarman.

... dựng thân Sivalinga... tại khu đất bhagava... thần Srisanabhadresvara... chiếc Sivalinga trong chiếc cửa đá... đức

vua Sri Jaya Simhavarman... đức vua Indravarman...

CHÚ THÍCH

1. E. Aymonier, *Première étude sur les inscriptions Tchames*, Journal Asiatique, 17, janvier-février 1891; p.5-86. A. Bergaigne, "Inscriptions sanskrites de Campa", *Notices et extraits des manuscrits de la Bibliothèque nationale et autres bibliothèques*, Tome XXVII, 2 partie, Paris, Imprimerie Nationale, 1893, p.181-293.
2. G. Coedes, *Inventaire des inscriptions du Champa et du Cambodge*, BEFEO, VIII, fasc. 1-2, 1908, p.37-92.
3. R.C. Majumdar, Champa, Book III, *The inscriptions of Champa*, Gian Publishing House, Shakti Nagar, Delhi, 1985.
4. Karl-Heinz Golzio, *Inscriptions of Campa*, Aix-la-Chapelle, Shaker Verlag, 2004.
5. Theo L. Finot, Notes d'epigraphie. XIV. Les inscriptions du musée de Hanoi. *Etudes epigraphiques sur le pays Cham*, EFEO, Paris, 1995, p.174, thì, tám bia được phát hiện năm 1887, sau đấy được đưa về Bảo tàng Sài Gòn năm 1900, rồi về Bảo tàng Hà Nội 1910. Tám bia đá có kích thước: 0,895m x 0,495m - 0,435m x 0,165 m. Trên bốn mặt và chân bia có khắc 6 bia ký khác nhau bằng chữ Sanskrit..